

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường  
Dự án Khu dân cư xóm Thọ Mỹ, thôn Đông Bình, xã Nhơn Thọ  
của UBND xã Nhơn Thọ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét Văn bản số 1756/STNMT-CCBVMT ngày 02/6/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khu dân cư xóm Thọ Mỹ, thôn Đông Bình, xã Nhơn Thọ của UBND xã Nhơn Thọ;*

*Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khu dân cư xóm Thọ Mỹ, thôn Đông Bình, xã Nhơn Thọ của UBND xã Nhơn Thọ đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 38/UBND ngày 14/8/2023 của UBND xã Nhơn Thọ;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1018/TTr-STNMT ngày 18/8/2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khu dân cư xóm Thọ Mỹ, thôn Đông Bình, xã Nhơn Thọ (sau đây gọi là Dự án) của UBND xã Nhơn Thọ (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện thôn Đông Bình, xã Nhơn Thọ, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thị xã An Nhơn;
- UBND xã Nhơn Thọ;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tuấn Thanh**

**Phụ lục**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN KHU**  
**DÂN CƯ XÓM THỌ MỸ, THÔN ĐÔNG BÌNH, XÃ NHƠN THỌ**  
**TẠI THÔN ĐÔNG BÌNH, XÃ NHƠN THỌ, THỊ XÃ AN NHƠN**  
**CỦA UBND XÃ NHƠN THỌ**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)*

**1. Thông tin về Dự án**

**1.1. Thông tin chung**

- Tên Dự án: Khu dân cư xóm Thọ Mỹ, thôn Đông Bình, xã Nhơn Thọ.
- Địa điểm thực hiện: thôn Đông Bình, xã Nhơn Thọ, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

Chủ đầu tư: UBND xã Nhơn Thọ; số điện thoại: 0256.3737.123.

**1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án**

- Tổng diện tích: 6,96 ha.
- Quy mô: gồm 192 lô đất ở với dân số khoảng 756 người.
- Cơ cấu sử dụng đất:

<b>STT</b>	<b>Loại đất</b>	<b>Ký hiệu</b>	<b>Diện tích (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
1	Đất ở quy hoạch mới (192 lô)		26.207,50	37,64
2	Đất cây xanh công viên		6.624,30	9,51
3	Kè, Taluy		4.192,50	6,02
4	Trạm xử lý nước thải	XLNT	135,00	0,19
5	Đất giao thông, hạ tầng khác		32.480,00	46,64
<b>Tổng cộng</b>			<b>69.639,30</b>	<b>100,00</b>

**1.3. Các hạng mục dự án và hoạt động của dự án**

1.3.1. Các hạng mục công trình chính: 192 lô đất ở có diện tích sử dụng đất 26.207,50 m<sup>2</sup>.

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ: Hệ thống đường giao thông, hệ thống cấp điện, hệ thống cấp nước và PCCC.

**1.3.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường:**

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải riêng biệt với hệ thống thu gom và thoát nước mưa.

- 01 Bể tự hoại tập trung 5 ngăn, kết cấu bằng bê tông cốt thép, có hạng mục xử lý mùi hôi, dung tích khoảng 100 m<sup>3</sup>.

- Tổng diện tích cây xanh khoảng 6.624,30 m<sup>2</sup>.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích khoảng 38.187,5 m<sup>2</sup>.

## **2. Hạng mục dự án và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường**

- Hoạt động thi công xây dựng tại dự án: Phát sinh nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, chất thải rắn, chất thải nguy hại, bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung từ các thiết bị thi công.

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu: Phát sinh bụi, khí thải tác động đến người dân sống dọc tuyến đường vận chuyển, nguy cơ hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển.

- Tác động không liên quan đến chất thải: Tiếng ồn quá trình thi công ảnh hưởng đến người dân xung quanh Dự án.

- Trong giai đoạn vận hành: phát sinh chất thải rắn sinh hoạt; nước thải sinh hoạt.

## **3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án**

### 3.1. Nước thải, khí thải

#### 3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

##### a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 0,9 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Nước thải xây dựng phát sinh với lưu lượng khoảng 1,0 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng, đất, cát...

- Nước mưa chảy tràn trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng...

##### b) Giai đoạn hoạt động

Nước thải sinh hoạt của các hộ dân tại khu vực dự án phát sinh với tổng lưu lượng khoảng 84 m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD<sub>5</sub>) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

#### 3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Bụi từ quá trình đào đắp, san gạt mặt bằng; quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; quá trình thi công xây dựng; khí thải từ máy móc, thiết bị thi công. Thành phần chủ yếu là bụi, CO<sub>x</sub>, NO<sub>x</sub>, SO<sub>2</sub>, H<sub>2</sub>S, VOC,...

### 3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

#### 3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

##### a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải rắn từ hoạt động phá dỡ công trình hiện trạng khoảng 323,5 m<sup>3</sup>. Thành phần chủ yếu là xà bần.

- Chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình phát sinh với khối lượng khoảng 2,089 - 2,785 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là bao bì đựng xi măng, xà bần, ni lông.

- Đất bóc phong hóa hữu cơ thải phát sinh với khối lượng khoảng 5.294,954 m<sup>3</sup>.

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh với khối lượng khoảng 18 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,...

#### b) Giai đoạn hoạt động:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh với khối lượng khoảng 680,4 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây...

#### 3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu của các phương tiện thi công phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 42 kg trong suốt quá trình thi công xây dựng. Thành phần chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang, các loại dầu mỡ thải, ...

#### 3.3. Tiếng ồn và độ rung

Hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; các máy móc, thiết bị thi công như máy đào, máy đầm, máy ủi; hoạt động san lấp mặt bằng, đường giao thông phát sinh tiếng ồn, ảnh hưởng đến công nhân, người dân sinh sống lân cận khu vực dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển,...

#### 3.4. Các tác động khác

- Hoạt động thi công các hạng mục dự án và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ảnh hưởng đến người dân sinh sống lân cận khu vực dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

- Hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa tác động đến sinh kế của người dân.

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất an ninh, trật tự khu vực dự án.

- Việc hình thành dự án gây ảnh hưởng đến vấn đề tiêu thoát nước các khu vực xung quanh.

### **4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án**

#### 4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, bụi, khí thải

##### 4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

##### a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân bằng các nhà vệ sinh di động; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý.

- Nước mưa chảy tràn: Trong quá trình san nền, sẽ tạo hệ thống rãnh nhỏ đào tạm xung quanh khu vực để tiện thoát nước mưa, dọn đất, cát, rác thải sinh hoạt... rơi vãi sau mỗi ngày làm việc để tránh xâm nhập vào nước mưa chảy tràn.

- Nước thải xây dựng: được thu gom tái sử dụng cho quá trình xây dựng, phần dư được thu gom lắng cặn trước khi thải ra môi trường.

#### b) Giai đoạn hoạt động

- Nước mưa chảy tràn:

+ Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế tự chảy và thoát nước riêng với hệ thống thoát nước thải. Dọc theo các đường nội bộ bố trí các tuyến cống BTLT có đường kính từ D600 để thu gom nước mưa của dự án, thoát ra ngoài khu dân cư qua 01 cửa xả ở phía Bắc.

- Nước thải sinh hoạt: Hệ thống thu gom và thoát nước thải được thiết kế riêng với hệ thống thu gom và thoát nước mưa. Phương án xử lý nước thải như sau:

+ Giai đoạn 1: Khi dân cư tại dự án chưa lấp đầy và lượng nước thải phát sinh dưới 50 m<sup>3</sup>/ngày, xây dựng bể tự hoại cải tiến 5 ngăn với thể tích 100m<sup>3</sup> đặt tại vị trí quy hoạch cây xanh công viên CX6 của Dự án để xử lý nước thải trước khi thải ra sông An Tượng.

+ Giai đoạn 2: Khi lượng nước thải phát sinh từ dự án từ 50m<sup>3</sup>/ngày trở lên và hệ thống xử lý chung trong khu vực chưa được xây dựng, xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung cho dự án tại vị trí quy hoạch cây xanh công viên CX6 của Dự án, có công suất 84 m<sup>3</sup>/ ngày đêm, với công nghệ AO.

Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải như sau: Nước thải sinh hoạt (xử lý sơ bộ qua bể tự hoại tại các hộ dân) → Bể thu gom → Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng. Nước thải sau xử lý đảm bảo theo QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B với K=1 trước khi thải ra sông An Tượng.

+ Về lâu dài: khi hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu vực được xây dựng hoàn thiện, hệ thống xử lý nước thải của dự án được chuyển công năng thành trạm bơm và bơm nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu vực để xử lý.

#### 4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Các xe vận chuyển đất đắp, nguyên vật liệu được phủ bạt, thùng xe kín; chở đúng tải trọng và tốc độ quy định.

- Thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công.

- Tại khu vực tập kết nguyên vật liệu: che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió và hạn chế chiều cao lưu chứa dưới 2 m.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

#### 4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

##### 4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

###### a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: bố trí các thùng thu gom rác có nắp đậy kín tại khu vực lán trại. Định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn xây dựng:

- + Thu gom toàn bộ khối lượng đất cát, chất thải thực bì, cây cỏ phát sinh từ hoạt động dọn dẹp mặt bằng xử lý theo quy định.

- + Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động tháo dỡ công trình cũ và đất bóc phong hóa: phần bóc phong hóa được tận dụng làm đất trồng cây xanh trong khu vực dự án; phần từ hoạt động tháo dỡ công trình cũ với khối lượng khoảng 323,5 m<sup>3</sup> vận chuyển về bãi thải thuộc khu vực Gò Quà, thôn Đông Bình, xã Nhơn Thọ, diện tích 0,5ha. Thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường, hạn chế sa bồi, sạt lở và hoàn trả bãi thải khi kết thúc đổ thải theo quy định.

###### b) Giai đoạn hoạt động

Người dân thu gom và lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt trong các thiết bị chứa chuyên dụng và chuyển giao cho đơn vị thu gom tại địa phương.

##### 4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Giai đoạn thi công, xây dựng: bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại tại khu vực lán trại, có dán nhãn nhận biết theo quy định. Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý theo quy định.

#### 4.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc, thiết bị hư hỏng.

- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa và ban đêm. Không hoạt động các thiết bị gây tiếng ồn lớn vào thời gian từ 18h00 - 06h00 sáng ngày hôm sau.

#### 4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Xây dựng phương án tổ chức thi công và phân luồng giao thông đảm bảo trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của Công trình để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

- Đặt các ống nhựa D200 dọc theo ranh của khu dân cư hiện trạng để thu nước mưa từ khu dân cư hiện trạng dẫn về các tuyến cống thoát nước chung của Dự án, đảm bảo tiêu thoát nước cho khu dân cư hiện trạng phía Tây.

- Bố trí mương bê tông M200, B50 dọc theo ranh của khu dân cư hiện trạng, đảm bảo tiêu thoát nước cho khu dân cư hiện trạng phía Nam và dân cư hiện trạng trong Dự án.

- Bố trí các hố ga thu đặt dọc vỉa hè đường ĐS2 và ĐS8 để thu nước từ các trường học về hệ thống thoát nước chung của Dự án, đảm bảo tiêu thoát nước cho trường THCS Nhơn Thọ và trường Mầm non Nhơn Thọ.

#### 4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

##### 4.5.1. Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ

Lập phương án phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ. Thông báo cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

##### 4.5.2. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

Xây dựng các nội quy về an toàn lao động khi lập tiến độ thi công; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

### **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng của Chủ đầu tư**

#### 5.1. Giám sát không khí xung quanh

- Vị trí giám sát: 01 mẫu không khí xung quanh tại phía Tây Dự án giáp với dân cư hiện trạng (toạ độ: X: 1.532.161; Y: 587453).

- Chỉ tiêu giám sát: hàm lượng bụi, tiếng ồn.

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

#### 5.2. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Thường xuyên theo dõi, giám sát thành phần, số lượng của chất thải rắn và chất thải nguy hại phát sinh.

- Quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo các quy định hiện hành tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết



một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại có hiệu lực tại thời điểm giám sát.

## **6. Các yêu cầu khác có liên quan đến môi trường**

- Khoanh định ranh giới của Dự án và chỉ được triển khai thực hiện Dự án sau khi được cấp có thẩm quyền cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất theo đúng các quy định pháp luật hiện hành.

- Thiết lập hệ thống biển báo, cắm mốc giới các địa bàn thi công và thông tin cho chính quyền địa phương có liên quan biết trước khi tiến hành hoạt động thi công, xây dựng Dự án.

- Bố trí thiết bị, phương tiện, địa điểm để phân loại tại nguồn, thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh từ các hộ gia đình, cá nhân theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 57 Luật Bảo vệ môi trường.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo không làm hư hỏng hệ thống đường giao thông khu vực và hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, hoạt động giao thông và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phát sinh bởi Dự án, đảm bảo môi trường xung quanh khu vực Dự án trong các giai đoạn của Dự án luôn đáp ứng tiêu chuẩn tại QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác về bảo vệ môi trường.